

**DANH SÁCH DỰ KIẾN
NGƯỜI TRUNG TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC ĐỢT 2 NĂM 2019
PHÒNG VẤN LẦN 2 - NGÀY 17/5/2020**

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-HDXT ngày 19/5/2020 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
1	11	311	Đỗ Thị Ngọc	02.07.1987	GV Mầm Non		85,0	85,0
2	10	263	Lê Thị Hương	15.08.1994	GV Mầm Non	5,0	77,0	82,0
3	9	229	Lê Thị Hằng	17.05.1985	GV Mầm Non	5,0	75,0	80,0
4	11	300	Vũ Thị Mạnh	14.03.1997	GV Mầm Non		80,0	80,0
5	9	253	Lê Thị Hồng	03.10.1985	GV Mầm Non		78,0	78,0
6	10	265	Nguyễn Thị Hương	25.01.1997	GV Mầm Non		78,0	78,0
7	11	298	Lê Thị Mai	12.03.1990	GV Mầm Non		78,0	78,0
8	12	334	Lê Thị Quỳnh	12.01.1996	GV Mầm Non		78,0	78,0
9	13	373	Lê Thị Thùy	09.12.1996	GV Mầm Non		77,0	77,0
10	9	234	Lê Thị Hạnh	21.08.1990	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0
11	12	331	Vũ Thị Phượng	08.09.1990	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0
12	13	357	Nguyễn Thị Thu	16.09.1986	GV Mầm Non		76,0	76,0
13	13	360	Nguyễn Thị Thu	15.10.1988	GV Mầm Non		76,0	76,0
14	14	399	Lê Thị Vân	10.05.1994	GV Mầm Non		76,0	76,0
15	14	408	Nguyễn Thị Xuân	30.06.1989	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0
16	10	262	Lê Thị Hương	23.07.1982	GV Mầm Non		75,0	75,0
17	13	350	Trương Thị Thảo	05.08.1990	GV Mầm Non		75,0	75,0
18	14	381	Nguyễn Thị Tới	08.04.1998	GV Mầm Non		75,0	75,0
19	14	383	Đào Thị Thùy Trang	16.07.1994	GV Mầm Non		75,0	75,0
20	14	397	Hà Thị Vân	29.04.1996	GV Mầm Non		75,0	75,0
21	10	271	Lê Thị Hường	10.06.1989	GV Mầm Non		74,0	74,0
22	10	284	Đỗ Thị Liên	21.10.1989	GV Mầm Non	5,0	69,0	74,0
23	11	288	Lê Thị Liễu	27.12.1986	GV Mầm Non		74,0	74,0
24	12	329	Lại Thị Phượng	18.08.1988	GV Mầm Non		74,0	74,0
25	13	353	Hồ Thị Thoa	07.07.1988	GV Mầm Non		74,0	74,0
26	14	386	Lê Thị Trang	22.09.1997	GV Mầm Non		74,0	74,0
27	8	196	Nguyễn Phương Anh	07.04.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
28	8	204	Cao Thị Diệp	17.04.1990	GV Mầm Non		73,0	73,0
29	8	210	Lê Thị Dung	16.06.1985	GV Mầm Non		73,0	73,0
30	10	264	Lữ Thị Hương	01.07.1993	GV Mầm Non		73,0	73,0
31	11	301	Trương Thị Minh	08.10.1992	GV Mầm Non		73,0	73,0
32	11	318	Nguyễn Thị Nhung	28.04.1995	GV Mầm Non		73,0	73,0
33	12	323	Nguyễn Thị Bích Phương	06.05.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
34	12	327	Trần Thị Phương	26.07.1986	GV Mầm Non		73,0	73,0
35	12	337	Lê Thị Tâm	07.11.1993	GV Mầm Non		73,0	73,0
36	13	364	Lê Thị Thủy Thương	23.07.1992	GV Mầm Non		73,0	73,0
37	13	370	Nguyễn Thị Thúy	10.09.1989	GV Mầm Non		73,0	73,0
38	13	377	Nguyễn Thị Thủy	07.11.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
39	14	387	Lương Thị Trang	22.12.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
40	8	200	Lê Thị Bích	15.07.1995	GV Mầm Non		72,0	72,0
41	9	247	Nguyễn Thị Hiền	27.09.1986	GV Mầm Non		72,0	72,0

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
42	10	266	Nguyễn Thị Hương	03.11.1993	GV Mầm Non		72,0	72,0
43	11	295	Nguyễn Thị Lương	28.02.1994	GV Mầm Non		72,0	72,0
44	11	296	Lê Thị Lý	06.10.1986	GV Mầm Non		72,0	72,0
45	12	349	Mai Phương Thảo	12.02.1997	GV Mầm Non		72,0	72,0
46	13	376	Nguyễn Thị Thủy	02.05.1986	GV Mầm Non		72,0	72,0
47	14	404	Trịnh Thị Văn	23.07.1996	GV Mầm Non		72,0	72,0
48	8	192	Lê Thanh An	14.04.1994	GV Mầm Non		71,0	71,0
49	8	193	Đỗ Thị Vân Anh	20.03.1993	GV Mầm Non		71,0	71,0
50	10	273	Nguyễn Thị Hường	01.04.1996	GV Mầm Non		71,0	71,0
51	11	305	Lê Thị Nga	15.01.1991	GV Mầm Non		71,0	71,0
52	12	344	Nguyễn Thị Thanh	02.10.1993	GV Mầm Non		71,0	71,0
53	13	363	Lê Thị Thương	29.05.1988	GV Mầm Non		71,0	71,0
54	14	391	Đoàn Thị Trọng	12.09.1987	GV Mầm Non		71,0	71,0
55	8	209	Hoàng Thị Dung	05.04.1986	GV Mầm Non		70,5	70,5
56	8	202	Trần Thị Cúc	05.07.1989	GV Mầm Non		70,0	70,0
57	8	206	Nguyễn Thị Diệp	27.08.1990	GV Mầm Non		70,0	70,0
58	8	212	Lê Thị Dung	05.08.1992	GV Mầm Non		70,0	70,0
59	8	214	Nguyễn Thị Dung	25.09.1996	GV Mầm Non		70,0	70,0
60	8	215	Nguyễn Thị Thùy Dung	24.01.1997	GV Mầm Non		70,0	70,0
61	8	223	Chu Thị Hà	14.11.1999	GV Mầm Non		70,0	70,0
62	9	224	Dương Thị Hà	20.10.1987	GV Mầm Non		70,0	70,0
63	9	239	Chu Thị Hiền	06.04.1987	GV Mầm Non		70,0	70,0
64	10	258	Nguyễn Thị Huệ	07.04.1995	GV Mầm Non		70,0	70,0
65	10	286	Trần Thị Liên	20.10.1991	GV Mầm Non		70,0	70,0
66	11	309	Lê Thị Hồng Ngoan	26.08.1990	GV Mầm Non		70,0	70,0
67	12	330	Lê Thị Phụng	10.08.1995	GV Mầm Non		70,0	70,0
68	12	332	Nguyễn Thị Quy	17.11.1990	GV Mầm Non		70,0	70,0
69	13	369	Nguyễn Thị Thúy	17.04.1992	GV Mầm Non		70,0	70,0
70	8	207	Trần Thị Diệu	10.11.1993	GV Mầm Non		69,0	69,0
71	9	237	Nguyễn Thị Hậu	01.09.1998	GV Mầm Non		69,0	69,0
72	9	246	Nguyễn Thị Hiền	25.06.1995	GV Mầm Non		69,0	69,0
73	10	261	Lê Thị Hương	20.09.1986	GV Mầm Non		69,0	69,0
74	11	310	Cao Thị Ngọc	20.10.1994	GV Mầm Non		69,0	69,0
75	11	312	Lê Thị Ngọc	03.01.1998	GV Mầm Non		69,0	69,0
76	15	415	Trần Thị Thu	01.09.1986	GV Âm Nhạc	5,0	71,5	76,5
77	15	413	Lê Thị Hằng	02.08.1986	GV Âm Nhạc	5,0	69,0	74,0
78	15	417	Nguyễn Thị Thủy	18.10.1985	GV Âm Nhạc		73,0	73,0
79	15	422	Nguyễn Huy Định	12.12.1988	GV Thẻ Dục	5,0	76,5	81,5
80	15	427	Lê Anh Tuấn	16.01.1989	GV Thẻ Dục	5,0	73,0	78,0
81	15	428	Lê Bá Tuấn	28.03.1995	GV Thẻ Dục		73,0	73,0
82	15	418	Nguyễn Thị Bình	20.10.1986	GV Thẻ Dục		70,0	70,0
83	15	441	Nguyễn Thị Ánh Hằng	04.02.1995	GV Văn Hóa		79,0	79,0
84	16	470	Lương Thị Thúy	28.03.1995	GV Văn Hóa		76,0	76,0
85	16	451	Hoàng Thị Lệ	01.08.1984	GV Văn Hóa		75,0	75,0
86	16	461	Hoàng Thị Nhu	20.09.1995	GV Văn Hóa	5,0	70,0	75,0
87	16	469	Hoàng Thị Thúy	03.10.1996	GV Văn Hóa		75,0	75,0
88	16	471	Nguyễn Thị Tin	10.05.1990	GV Văn Hóa	5,0	70,0	75,0

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
89	15	440	Đỗ Thị Hào	20.12.1996	GV Văn Hóa		74,0	74,0
90	15	443	Nguyễn Thị Hoa	27.05.1985	GV Văn Hóa		74,0	74,0
91	16	468	Lê Hà Thu	07.08.1994	GV Văn Hóa		74,0	74,0
92	16	459	Hoàng Thị Nguyệt	20.06.1987	GV Văn Hóa		73,0	73,0
93	16	464	Nguyễn Thị Phương	13.12.1998	GV Văn Hóa		73,0	73,0
94	16	473	Chu Thị Vinh	09.08.1991	GV Văn Hóa		73,0	73,0
95	16	453	Phạm Thị Thùy Linh	02.06.1997	GV Văn Hóa		72,0	72,0
96	16	463	Đoàn Thị Phương	03.06.1991	GV Văn Hóa		72,0	72,0
97	16	472	Hoàng Thị Anh Vân	28.09.1988	GV Văn Hóa		72,0	72,0
98	15	439	Lê Thị Hà	22.03.1996	GV Văn Hóa		71,0	71,0
99	15	442	Nguyễn Thị Thu Hằng	20.08.1996	GV Văn Hóa		71,0	71,0
100	16	445	Nguyễn Thị Hồng	04.02.1995	GV Văn Hóa		70,0	70,0
101	16	450	Phạm Thị Khánh	02.05.1997	GV Văn Hóa		70,0	70,0
102	16	454	Lê Thị Khánh Ly	05.11.1997	GV Văn Hóa		70,0	70,0
103	16	444	Lê Thị Hồng	01.07.1989	GV Văn Hóa		69,0	69,0
104	16	456	Đỗ Thị Nga	04.09.1996	GV Văn Hóa		69,0	69,0
105	16	458	Lê Ánh Ngọc	05.05.1996	GV Văn Hóa		69,0	69,0
106	16	447	Nguyễn Việt Hùng	22.02.1980	GV Văn Hóa		63,0	63,0
107	16	452	Phạm Thị Thùy Liên	24.05.1996	GV Văn Hóa		63,0	63,0
108	17	477	Trần Thị Hằng	17.12.1991	Hành chính, Kế toán		73,0	73,0
109	17	475	Hán Thị Mai Anh	20.08.1996	Hành chính, Kế toán		72,0	72,0
110	17	479	Mai Thị Hạnh	06.08.1992	Hành chính, Kế toán		71,0	71,0
111	17	491	Lê Thị Quỳnh	06.11.1997	Hành chính, Kế toán		68,0	68,0
112	17	488	Nguyễn Thị Mai	05.11.1992	Hành chính, Kế toán		67,0	67,0

(Danh sách này có 112 người)

A